KB Securities VIETNAM

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]
TTCK Việt Nam biến động giằng co, kết phiên tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng và bán lẻ với thanh khoản tăng.

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]
Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở.

[Thông tin doanh nghiệp]
FCN, GVR

[Cập nhật công ty]
MWG, KDH

[Quan điểm đầu tư]
Với xu hướng giảm điểm chủ đạo trong trung hạn, đi ngang trong ngắn hạn, NĐT được khuyến nghị chỉ tham gia trading với 1 tỷ trọng thấp, kê mua khi giá cổ phiếu điều chỉnh về lại hỗ trợ và tránh mua đuổi trong các nhịp tăng vượt đỉnh.

30/05/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,078.05	+0.29
VN30	1,071.82	+0.19
HĐTL VN30F1M	1,068.20	+0.02
HNXIndex	221.33	+0.46
HNX30	418.38	+1.10
UPCoM	81.67	+0.67
USD/VND	23,486	+0.06
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.16	-4
Lãi suất qua đêm (%)	3.90	+11
Dầu (WTI, $)	71.64	-1.42
Vàng (LME, $)	1,944.46	+0.07

Điểm nhấn thị trường

VNIndex	**1,078.05 (+0.29%)**
KLGD (triệu CP)	**816.0 (+12.4%)**
GTGD (triệu U$)	**699.3 (+19.0%)**

TTCK Việt Nam biến động giằng co, kết phiên tăng điểm trước sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu ngành ngân hàng và bán lẻ với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại EIB (+1.0%), VNM (-0.9%), NVL (+2.3%).

HNXIndex	**221.33 (+0.46%)**
KLGD (triệu CP)	**111.9 (-15.0%)**
GTGD (triệu U$)	**78.1 (+2.5%)**

Trên Sàn giao dịch Thượng Hải ngày hôm nay (30/05), giá thép tiếp đà tăng. Cụ thể, giá thép giao kỳ hạn tháng 1/2024 tăng 12 nhân dân tệ, lên mức 3,447 nhân dân tệ/tấn. Giá cổ phiếu Thép tăng giá ở NKG (+2.31%), HSG (+0.69%).

UPCoM	**81.67 (+0.67%)**
KLGD (triệu CP)	**65.4 (+4.4%)**
GTGD (triệu U$)	**31.9 (+31.0%)**

Theo Trung tâm Chuyển đổi số và Thống kê nông nghiệp - Bộ NN & PTNT, lũy kế 5 tháng đầu năm, Việt Nam đã xuất khẩu được gần 3.9 triệu tấn gạo, giá trị 2.02 tỉ USD (tăng 40.8% về khối lượng và tăng 49% về giá trị so với cùng kỳ năm 2022). Giá cổ phiếu nhóm Gạo tăng giá ở PAN (+0.55%), LTG (+0.00%).

NĐTNN mua ròng (triệu U$) -23.8

VNIndex & HNXIndex

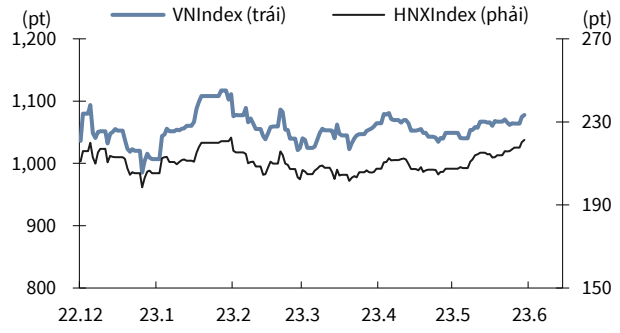

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành

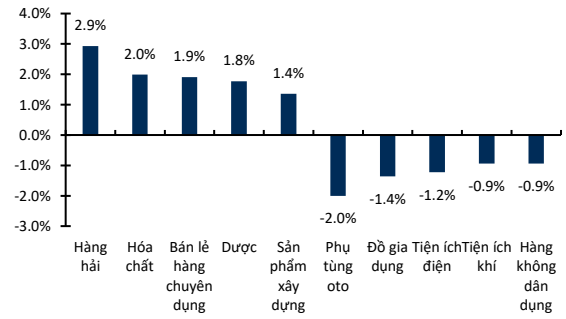

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm

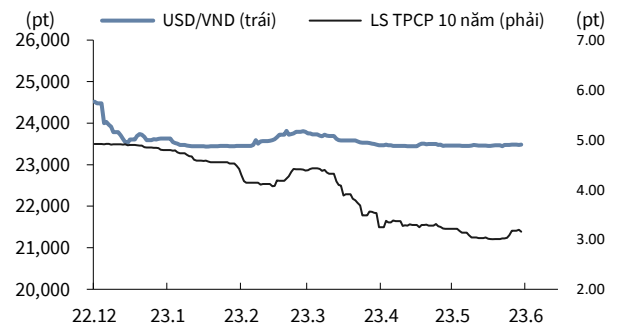

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng

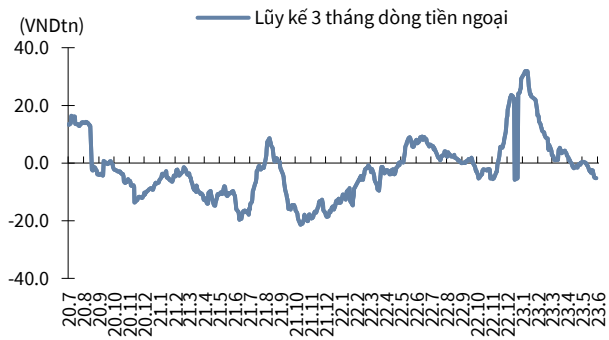

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	**1,071.82 (+0.19%)**
VN30F1M	**1,068.2 (+0.02%)**
Mở cửa	**1,069.5**
Cao nhất	**1,070.7**
Thấp nhất	**1,064.0**
KLGD (HĐ)	**140,082 (+7.7%)**

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2306 và VN30 ghi nhận mức cao nhất phiên tại 0.73 điểm ở đầu phiên sáng, sau đó đảo chiều và biến động trong biên độ âm quanh mức -3.3 điểm và đóng cửa tại -3.62 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

HĐTL VN30F1M & VN30

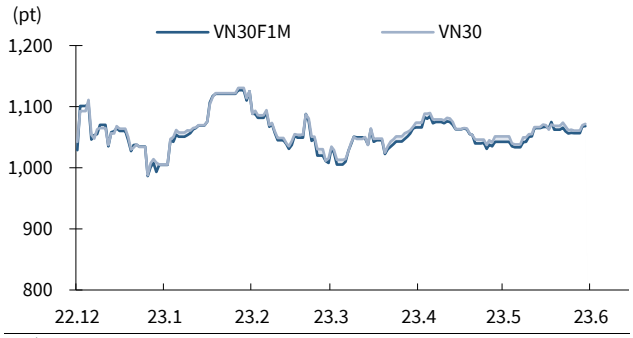

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30

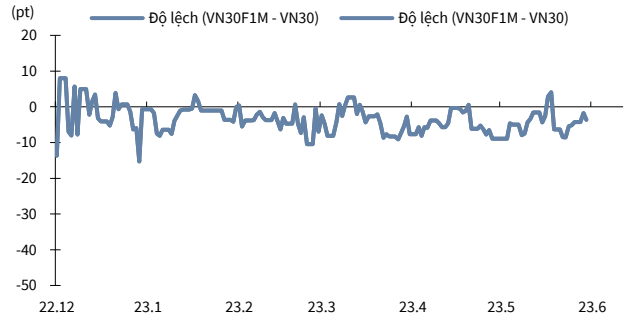

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở

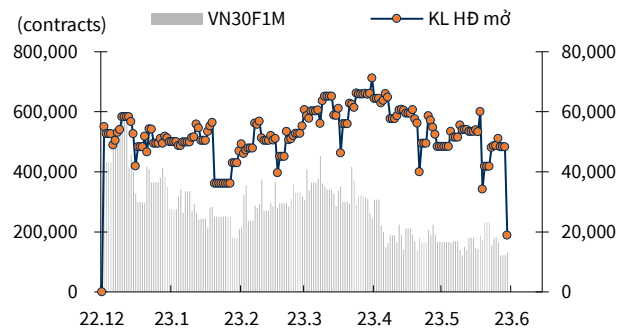

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn

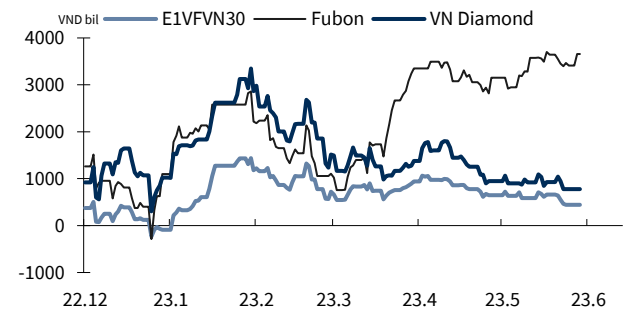

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP FECON (FCN)

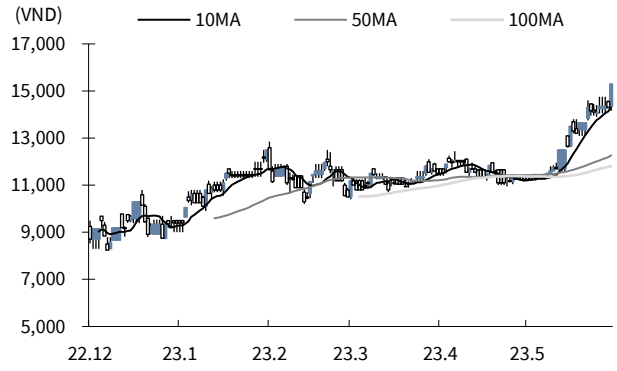

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FCN tăng 6.99% lên 15,300VND/cp

- Tập đoàn FECON tiếp tục thông báo trúng nhiều gói thầu khác nhau tại các dự án với tổng giá trị gần 300 tỷ đồng. Các dự án trúng thầu đợt này đa phần thuộc lĩnh vực thế mạnh của FECON là thi công nền móng và công trình ngầm. Như vậy, lũy kế từ đầu năm, FECON đã trúng các gói thầu với tổng trị giá gần 800 tỷ đồng.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP (GVR)

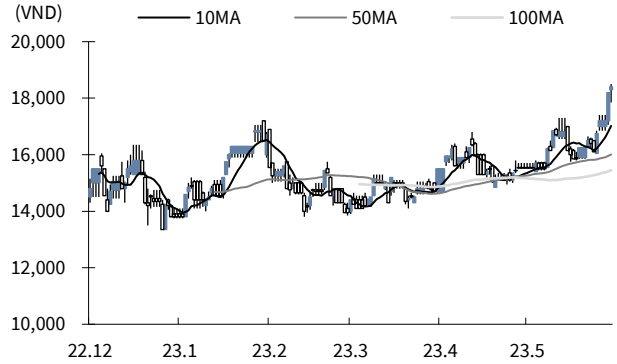

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GVR tăng 1.1% lên 18,400VND/cp

- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đặt kế hoạch kinh doanh năm 2023 với lợi nhuận sau thuế 4,264 tỷ đồng (-11% YoY), doanh thu và thu nhập khác hợp nhất là 27,527 tỷ đồng (-3% YoY). Về phương án phân phối lợi nhuận, tập đoàn dự kiến trình mức chia cổ tức với tỷ lệ 3.5%/vốn điều lệ, tương ứng 1,400 tỷ đồng. Năm 2023, tỷ lệ này là 3% (tương ứng 1,200 tỷ đồng).

COMPANY REPORT

KB Securities VIETNAM

CTCP Đầu tư Thế giới di động (MWG)

Giai đoạn khó khăn nhất đã qua

26/05/2023

Chuyên viên phân tích Nguyễn Trường Giang
Giangnt1@kbsec.com.vn

KQKD 1Q2023 sụt giảm nghiêm trọng, lợi nhuận thấp nhất kể từ khi niêm yết

Kết thúc quý 1/2023, doanh thu của MWG chỉ đạt 26,990 tỷ đồng (-26% yoy) đạt 20% kế hoạch LNST chỉ đạt vỏn vẹn 21 tỷ đồng (-99% yoy) đạt chưa đầy 1% kế hoạch. BLNG toàn hệ thống giảm mạnh xuống 19.1% từ 25.7% vào quý 4/2022. Nguyên nhân của sự sụt giảm đến từ việc sức mua suy giảm mạnh đặc biệt đối với các loại hàng hóa không thiết yếu.

Mảng ICT&CE tiếp tục gặp khó như dự đoán

KQKD giảm sút nguyên nhân chính đến từ việc sức mua suy giảm đặc biệt là các loại hàng hóa không thiết yếu ICT&CE, tổng doanh thu của TGDĐ và ĐMX chỉ đạt 19,940 tỷ đồng (-34% yoy). BLNG của 2 mảng này giảm mạnh từ 21% về 17% do chính sách giảm giá kích cầu. Chúng tôi dự báo mảng điện máy sẽ hồi phục trước do nhu cầu máy lạnh tăng cao trong mùa hè, mảng thiết bị CNTT (điện thoại, laptop) sẽ phục

Bách Hóa Xanh là điểm sáng hiếm hoi với kết quả tích cực

BHX tiếp tục có những cải thiện sau tái cấu trúc. Doanh thu toàn chuỗi đạt 6,370 tỷ đồng (+5% yoy), doanh thu/cửa hàng đạt 1,3 tỷ (+30% yoy), BLNG duy trì ở mức 26%, hơn 90% cửa hàng có EBITDA dương. So với cuối năm 2022, BHX đã đóng 18 cửa hàng, giảm xuống còn 1710 cửa hàng do hoạt động không hiệu quả hoặc không thể thương lượng mặt bằng với chủ nhà.

Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 44,500 VND/cp

Năm 2023, chúng tôi dự đoán MWG tiếp tục có kết quả tăng trưởng âm, DTT đạt 124,981 tỷ VND (-7.2% yoy), LNST đạt 2655 tỷ VND (-35.3% yoy). Mặc dù kết quả kinh doanh tiếp tục kém triển vọng tuy nhiên chúng tôi cho rằng những kết quả tiêu cực đó đã phản ánh vào giá của MWG. Khuyến nghị MUA với cổ phiếu MWG, giá mục tiêu 45,200 VND/cp, cao hơn 15% giá đóng cửa của ngày 29/5/2023

MUA Duy trì

Giá mục tiêu	VND44,500
Tăng/giảm (%)	15%
Giá hiện tại (29/05/2023)	38,700
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/triệu USD)	55.6/2.4

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	70%
GDTB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	79.8/3.4
Sở hữu nước ngoài	49%
Cổ đông lớn	Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư Thế giới bán lẻ (10.48%)

Dự phóng KQKD & định giá

FY - end	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	124,142	134,722	126,180	142,738
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	6,466	6,575	3,663	6,476
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	4,901	4,102	2,487	4,393
EPS (nghìn VNĐ)	3,346	2,801	1,699	3,001
Tăng trưởng EPS (%)	25%	-16%	-39%	77%
P/E (x)	11.4	13.6	22.4	12.7
P/B (x)	2.7	2.3	2.2	1.9
ROE (%)	24%	17%	10%	13%
Tỉ suất cổ tức, phổ thông (%)	15%	10%	5%	10%

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-3	-4	-17	-50
Tương đối	-5	-5	-19	-32

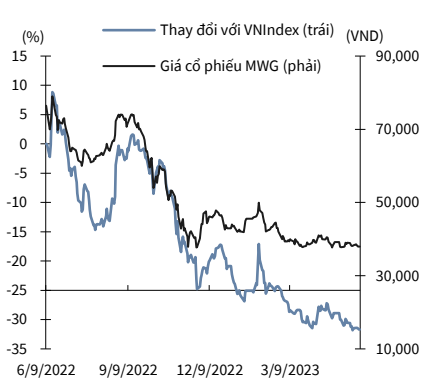

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

COMPANY REPORT

KB Securities VIETNAM

Khang Điền (KDH)

Phát triển bền vững

30/05/2023

Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Kỳ vọng doanh số bán hàng tăng cao nhờ mở bán các dự án mới với tỷ lệ hấp thụ tốt, qua đó đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận trong năm 2024

Trong quý 1/2023, Khang Điền đã bán được khoảng 50 căn tại dự án Classia. Chúng tôi nhận thấy, dự án Classia vẫn duy trì được kết quả bán hàng tích cực trong bối cảnh thị trường BĐS gặp nhiều khó khăn và nhu cầu suy giảm nhờ (1) Uy tín của CĐT với chất lượng sản phẩm tốt với tiện ích đầy đủ, bàn giao nhà và sổ đỏ đúng thời hạn và (2) Nguồn cung sản phẩm thấp tầng khan hiếm. Do vậy, chúng tôi kỳ vọng tổng giá trị bán hàng trong năm 2023 đạt khoảng 3,578 tỷ VND (+80%YoY) nhờ hoàn tất việc bán hàng tại dự án Classia và mở bán dự án mới là The Privia và Clarita.

Các dự án lớn được kỳ vọng giúp Khang Điền đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận trong dài hạn

Khang Điền hiện đang đầu tư 3 dự án có quy mô lớn bao gồm KDC Tân Tạo (330ha), KCN Lê Minh Xuân (110ha) và KDC Phong Phú 2 (130ha). Các dự án này được kỳ vọng giúp Khang Điền khẳng định vị thế của doanh nghiệp cũng như đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận trong dài hạn.

Dự báo lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 811 tỷ VND (-20%YoY)

KBSV ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của KDH năm 2023 đạt lần lượt là 2,490 tỷ VND (-14%YoY) và 811 tỷ VND (-20%YoY).

Khuyến nghị: NẮM GIỮ – Giá mục tiêu: 32,300VND/cổ phiếu

Giá cổ phiếu Khang Điền có mức tăng 20% trong vòng 2 tháng qua, hiện đang giao dịch ở mức P/E 2023fw là 24.4x. Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị NẮM GIỮ đối với cổ phiếu KDH với mức giá mục tiêu là 32,300VND/cp, cao hơn 8% so với giá đóng cửa ngày 29/05/2023.

NẮM GIỮ thay đổi

Giá mục tiêu	32,300 VND
Tăng/giảm (%)	8%
Giá hiện tại (29/05//2023)	29,950 VND
Giá mục tiêu đồng thuận	33,800 VND
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/ triệu USD)	21.5/0.9

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	86.3%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND,triệu USD)	40.8/1.7
Sở hữu nước ngoài (%)	12.9%
Cổ đông lớn	Nhóm quỹ Dragon Capital (11%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	6	12	39	89
Tương đối	3	10	28	81

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	3,738	2,912	2,490	3,262
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	1,355	996	1,047	1,103
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	1,202	1,102	881	934
EPS (VND)	1,777	1,538	1,229	1,303
Tăng trưởng EPS (%)	-11	-13	-20	6
P/E (x)	15.56	17.98	24.36	22.99
P/B (x)	1.75	1.72	1.71	1.59
ROE (%)	13	10	7	7
Tỷ suất cổ tức (%)	0	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

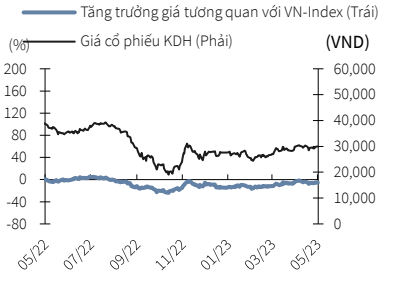

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chuyên viên chiến lược đầu tư
Thái Hữu Công
congth@kbsec.com.vn

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex

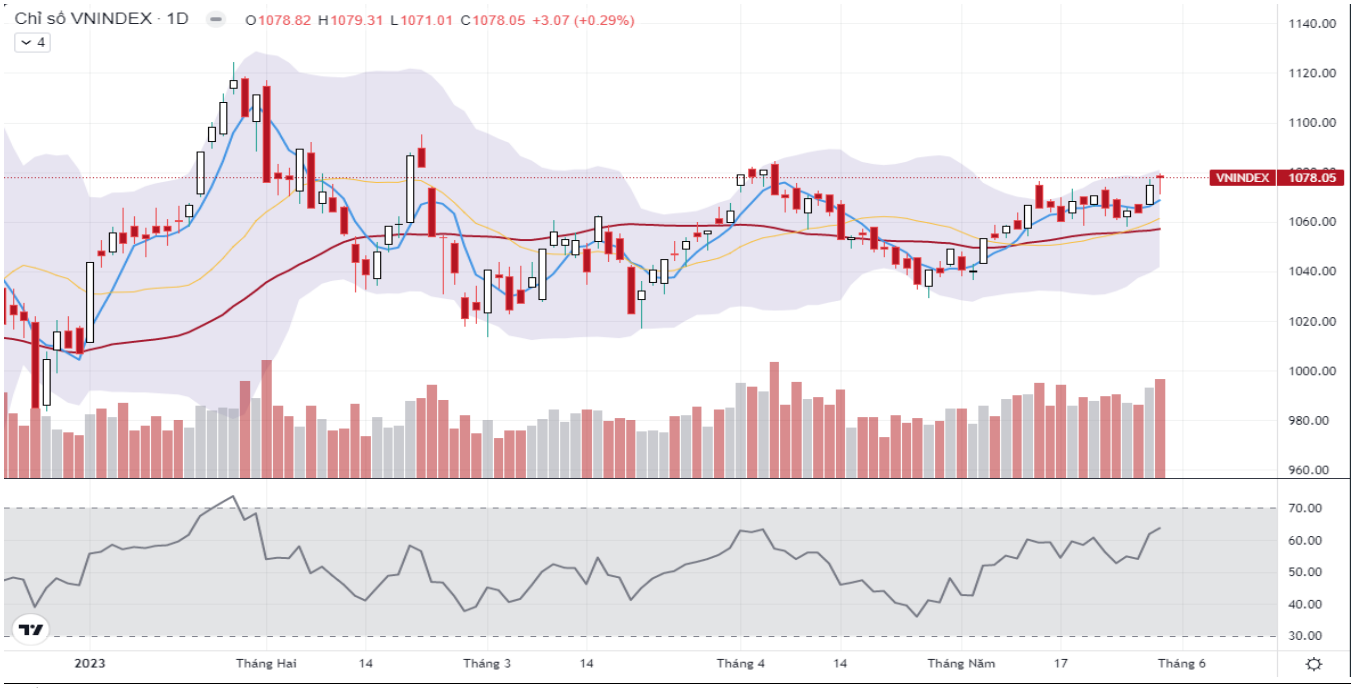

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

— VNIndex giảm điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi dần hồi phục và lấy lại sắc xanh về cuối phiên.

— Lực mua chủ động gia tăng về cuối phiên đã giúp cho chỉ số sớm hồi phục trở lại sau một nhịp rung lắc giằng co. Mặc dù áp lực điều chỉnh sẽ ngày càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, VNIndex đang đứng trước cơ hội mở rộng đà tăng điểm tích cực và hướng lên vùng kháng cự kế tiếp quanh 109x.

— Với xu hướng giảm điểm chủ đạo trong trung hạn, đi ngang trong ngắn hạn, NĐT được khuyến nghị chỉ tham gia trading với 1 tỷ trọng thấp, kê mua khi giá cổ phiếu điều chỉnh về lại hỗ trợ và tránh mua đuổi trong các nhịp tăng vượt đỉnh.

Chỉ số VN30

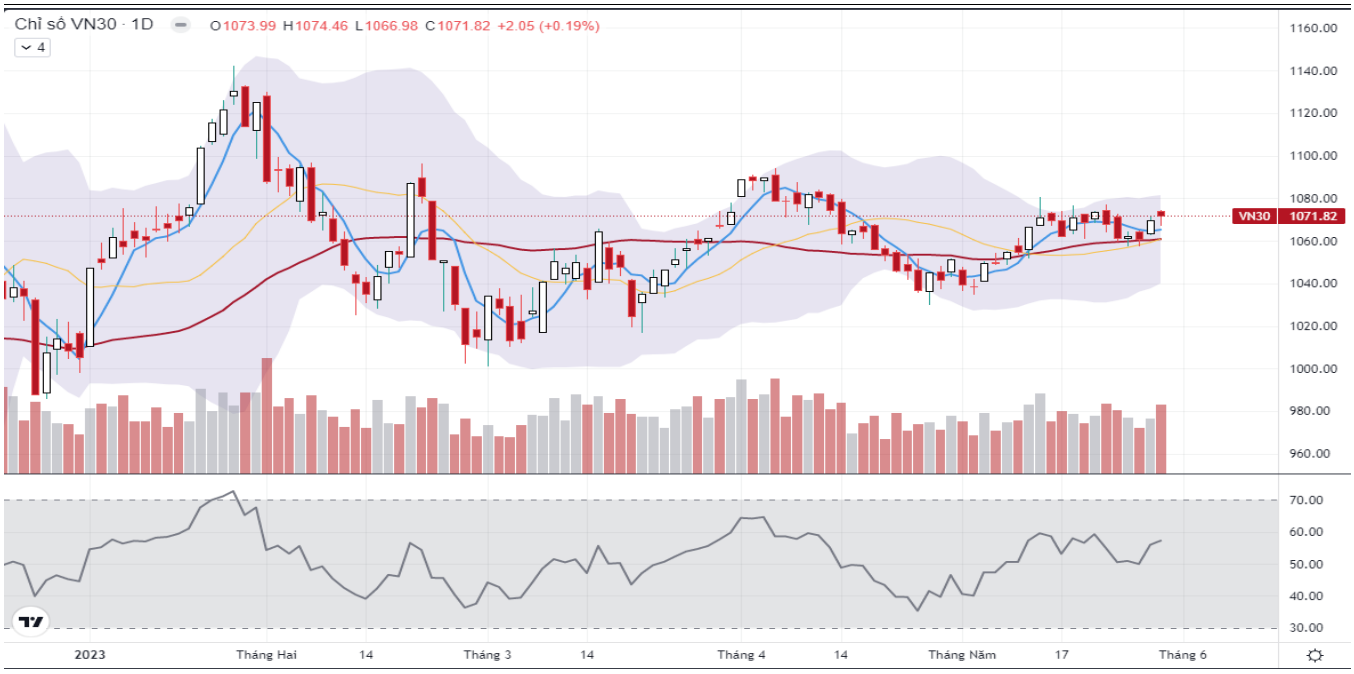

Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên	
Kháng cự xa:	1078 - 1082
Kháng cự gần:	1071 - 1075
Hỗ trợ gần:	1061 - 1064
Hỗ trợ xa:	1057 - 1059

— F1 trải qua một nhịp tăng điểm với biên độ mở rộng về cuối phiên

— Lực mua chủ động gia tăng về cuối phiên đã giúp cho chỉ số sớm hồi phục trở lại sau một nhịp rung lắc giằng co. Mặc dù áp lực điều chỉnh sẽ ngày càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, VNIndex đang đứng trước cơ hội mở rộng đà tăng điểm tích cực và hướng lên vùng kháng cự kế tiếp quanh 108x.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.19%	-0.14%
Tăng lũy kế (YTD)	6.63%	8.27%

So sánh hiệu suất với VN30 Index

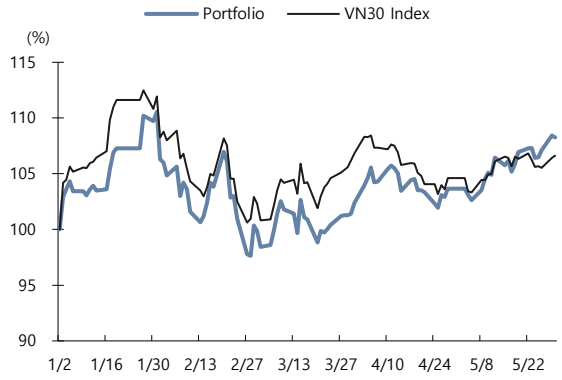

Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 30/05/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	39,400	1.8%	2.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	23,350	-0.2%	11.5%	- Tiếp tục giữ vị trí dư nợ cho vay ký quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	71,100	-0.4%	23.7%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	24,100	-0.8%	-1.6%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	19,000	-0.5%	11.1%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	84,000	1.1%	246.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,050	0.2%	48.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	92,900	-1.0%	26.6%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	21,350	-0.5%	91.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	27,850	-1.1%	171.0%	- Giá bán khu độ thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FPT	1.1%	49.0%	312.8
VIC	-0.6%	12.9%	100.1
FRT	2.7%	29.8%	22.6
DGC	4.5%	15.0%	20.6
DGW	4.6%	22.2%	18.4
Mã	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
EIB	1.0%	8.6%	-700.6
VNM	-0.9%	55.0%	-51.5
NVL	2.3%	5.6%	-45.1
FUEVFVND	0.8%	96.6%	-37.1
NKG	2.3%	11.6%	-22.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CEO	3.0%	4.5%	8.5
MBS	0.5%	0.4%	4.7
PLC	1.4%	1.1%	1.5
PVI	-0.6%	59.7%	0.7
MBG	-1.7%	1.2%	0.3
Mã	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
PVS	2.3%	20.8%	-12.2
IDC	-0.2%	1.1%	-8.4
BVS	0.9%	7.0%	-2.5
TVD	-1.3%	3.3%	-1.1
TNG	0.5%	15.8%	-0.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Sản phẩm xây dựng	7.0%	VGC, BMP, SHI, DAG
Thương mại & phân phối	6.5%	VPG, TSC, BTT, TNA
Hóa chất	6.1%	GVR, DGC, DPM, DCM
Máy móc	4.5%	TCH, HHS, SRF, SHA
Chứng khoán	4.4%	SSI, VND, HCM, VCI
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Phụ tùng oto	-3.6%	DRC, CSM, PAC, TNC
Đồ gia dụng	-1.9%	TTF, GDT, EVE, SAV
Đồ uống	-1.8%	SAB, BHN, SMB, SCD
Bảo hiểm	-1.5%	BVH, MIG, BIC, BMI
Tiện ích điện	-1.5%	PGV, NT2, PPC, TTA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	16.2%	PGV, NT2, PPC, TTA
Sản phẩm xây dựng	12.9%	VGC, BMP, SHI, DAG
Máy móc	12.5%	TCH, HHS, SRF, SHA
Chứng khoán	11.9%	SSI, VND, HCM, VCI
Thương mại & phân phối	11.8%	VPG, TSC, BTT, TNA
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Đồ uống	-9.0%	SAB, BHN, SMB, SCD
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-6.7%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Phụ tùng oto	-6.3%	DRC, CSM, PAC, TNC
Vận tải hàng không & Logistics	-4.7%	TMS, SCS, STG, ASG
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-3.3%	TNH, JVC, VMD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	93,457 (4.0)	22.5	70.7	64.7	14.7	2.5	2.7	1.8	1.7	-0.6	-0.4	0.6	-2.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	79,896 (3.4)	26.6	8.1	7.5	35.9	18.6	17.2	1.4	1.2	-1.1	2.2	10.9	14.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	78,524 (3.3)	17.8	16.1	14.4	-7.6	10.8	11.9	1.7	1.6	0.0	0.0	0.0	5.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	235,397 (10.0)	31.3	-	-	6.7	-	-	-	-	2.3	1.1	-6.6	-4.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	53,189 (2.3)	11.6	25.1	15.7	13.7	7.8	11.3	1.7	1.6	0.5	3.1	1.0	13.6
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	262,274 (11.2)	13.9	36.5	27.5	-	2.8	3.6	-	-	2.4	6.4	10.7	17.3
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	57,520 (2.5)	6.3	13.2	11.5	11.7	22.9	20.8	2.6	2.1	1.5	1.8	4.4	18.1
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	27,184 (1.2)	12.7	11.4	9.5	-5.3	20.3	20.4	1.9	1.6	-0.2	-0.1	0.7	13.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	101,967 (4.3)	0.0	5.2	4.5	14.3	16.8	16.2	0.8	0.7	0.0	-0.5	2.4	16.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	99,996 (4.3)	1.4	8.2	6.6	50.3	16.4	17.7	1.1	0.9	0.2	0.5	-2.8	2.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	156,324 (6.7)	0.0	8.6	6.6	18.8	13.8	14.6	1.1	0.9	0.5	-0.5	-2.3	8.7
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	124,010 (5.3)	0.0	4.6	3.9	14.6	22.2	20.7	0.9	0.7	0.0	0.0	1.6	9.6
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	32,308 (1.4)	4.2	3.8	4.7	23.3	29.5	19.0	-	-	0.0	-3.6	0.0	17.9
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	430,780 (18.4)	14.0	7.4	4.3	26.5	19.4	25.1	1.1	0.9	0.0	-0.9	9.5	23.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	70,869 (3.0)	0.0	6.3	5.5	37.4	20.6	20.5	1.1	0.9	-0.8	1.7	1.3	14.5
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	52,615 (2.2)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	1.0	4.1	8.2	-12.2
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	23,205 (1.0)	21.0	15.7	14.1	15.8	10.1	10.6	1.5	1.4	-0.3	-1.8	-2.4	-6.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	7,619 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	0.0	-0.4	4.2	10.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	424,399 (18.1)	55.4	19.3	15.7	-3.2	8.3	10.2	1.6	-	-0.2	2.2	8.4	31.9
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	165,725 (7.1)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	0.0	3.4	10.1	50.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	131,036 (5.6)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	0.2	2.3	9.2	36.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	415,149 (17.7)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	2.1	5.8	16.8	28.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	103,057 (4.4)	42.1	15.8	14.7	4.0	29.0	30.6	4.0	3.8	-0.9	-0.7	-5.0	-12.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	17,612 (0.8)	36.9	18.9	17.2	7.3	21.3	21.6	3.8	3.4	0.5	-1.9	-9.3	-6.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	59,432 (2.5)	16.5	39.5	18.4	-51.9	8.0	12.9	3.6	3.7	1.7	3.4	-0.4	-21.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	18,803 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	2.7	3.5	-7.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	62,108 (2.6)	11.0	85.1	46.2	-88.5	5.9	11.2	-	-	-1.0	-0.2	1.5	-10.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	32,994 (1.4)	10.8	12.1	15.9	-57.0	22.4	12.0	1.8	1.7	0.6	1.0	-4.8	10.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	124,255 (5.3)	38.4	14.1	11.4	65.7	2.4	3.8	0.8	0.9	0.0	8.0	21.5	36.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	214,448 (9.1)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	1.0	9.1	18.6	25.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	37,235 (1.6)	3.6	-	-	-52.4	-	-	-	-	2.8	-0.8	11.0	99.1
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	28,595 (1.2)	0.0	10.5	9.6	-4.5	15.9	15.3	1.5	1.4	-0.5	-2.2	5.8	-1.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	36,286 (1.5)	46.1	15.4	15.3	-17.5	19.0	18.2	2.8	2.8	-1.0	-0.3	0.1	-8.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	21,955 (0.9)	31.4	14.3	12.4	-10.5	15.1	17.1	2.1	2.1	1.4	1.5	5.5	15.4
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	2,778 (0.1)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	0.7	-0.6	0.7	22.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	369,338 (15.7)	18.0	13.9	9.9	21.9	9.1	11.8	1.2	1.1	-0.5	-1.6	-1.4	18.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	60,656 (2.6)	36.5	7.8	9.6	-0.5	13.8	11.4	0.9	0.9	2.1	0.5	-4.8	-25.5
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	54,007 (2.3)	46.5	10.8	9.4	-4.5	12.6	13.3	1.2	1.1	2.5	2.1	2.7	-8.1
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	203,390 (8.7)	38.9	-	13.1	67.9	-0.7	6.7	0.8	0.7	1.0	-0.6	2.3	37.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	63,182 (2.7)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.5	1.9	4.8	61.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	24,674 (1.1)	4.6	16.7	1.4	-51.0	11.2	37.8	1.9	0.7	0.0	1.1	1.2	19.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	134,295 (5.7)	39.9	19.3	12.9	-11.9	5.1	7.7	0.9	0.9	1.5	1.1	14.8	34.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	60,620 (2.6)	35.9	8.1	7.0	2.2	13.8	14.3	1.1	1.0	0.5	2.9	4.4	-3.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	71,313 (3.0)	0.0	20.1	11.0	14.4	11.1	18.3	2.2	2.0	1.8	3.0	0.5	-8.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	23,515 (1.0)	0.0	13.0	10.7	2.4	20.9	22.1	2.4	2.0	-0.4	-1.5	-7.7	-20.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,259 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.6	7.1	17.6	34.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	31,842 (1.4)	30.3	43.8	18.2	-75.2	-	14.1	3.3	2.7	2.7	3.5	1.7	-5.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	27,493 (1.2)	34.6	10.6	10.5	41.2	17.6	15.8	1.8	1.5	-0.4	5.3	11.0	16.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	6,511 (0.3)	45.4	11.8	10.9	10.7	25.6	24.6	3.0	2.5	2.9	1.1	6.0	32.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	67,453 (2.9)	0.0	15.4	12.8	15.5	26.9	27.4	3.8	3.3	1.1	2.4	8.4	9.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyennd1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannd@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienns@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.